



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán
	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	157.981
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	8.781
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	149.200
-	Thu bổ sung cân đối	149.200
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-
3	Thu kết dư	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
II	Chi ngân sách	157.981



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	14.715	14.715
I	Thu nội địa	14.715	14.715
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.705	3.705
-	Thuế GTGT	3.645	3.645
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
-	Thuế TTĐB hàng nội địa	60	60
-	Thuế tài nguyên	-	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	-	-
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-
7	Lệ phí trước bạ	8.830	8.830
8	Thu phí và lệ phí	570	570
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.460	1.460
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	-	-
12	Thu tiền sử dụng đất	-	-
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)	-	-
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-
16	Thu khác ngân sách	150	150
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	-
II	Thu viện trợ		



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Ngân sách địa phương	Chia ra	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	157.981	-	157.981
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ	157.981	-	157.981
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-	-
-	Chi đầu tư XD CB tập trung	-	-	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	-		
	Chi khoa học công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	-	
-	Chi đầu tư từ nguồn kết dư tiền SDD	-	-	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	154.881		154.881
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	105.495		105.495
2	Chi khoa học công nghệ			
III	Dự phòng ngân sách	3.100		3.100
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	157.981
I	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	8.781
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	2.180
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	6.601
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	149.200
-	Thu bổ sung cân đối	149.200
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-
III	Thu kết dư	
	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
IV		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	157.981
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	157.981
1	Chi đầu tư phát triển	-
2	Chi thường xuyên	154.881
3	Dự phòng ngân sách	3.100
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn năm sau	



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÁ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM
2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	157.981
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	157.981
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	-
1.2	Chi khoa học công nghệ	-
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	-
1.4	Chi văn hóa thông tin	-
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	-
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	-
1.10	Quốc phòng	
1.11	An ninh	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	154.881
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	105.495
2	Chi khoa học công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	
4	Chi văn hóa thông tin	550
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	250
6	Chi thể dục thể thao	200
7	Chi bảo vệ môi trường	6.800
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.578
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	25.556
10	Chi bảo đảm xã hội	8.600
11	Chi quốc phòng	2.258
12	Chi an ninh	1.594
13	Chi khác	-
III	Dự phòng ngân sách	3.100
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	VP HĐND và UBND	9.922		9.922	-		-			
2	Phòng Kinh tế	16.137		16.137						
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	12.700		12.700						
4	Trung tâm hành chính công	1.643		1.643						
5	Ủy ban MTTQ VN xã	3.592		3.592						
6	Văn phòng Đảng Ủy xã	5.392		5.392						
7	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-		-						
8	Trường mầm non Phước Khánh	8.460		8.460						
9	Trường mầm non Phú Đông	6.977		6.977						
10	Trường mầm non Phú Hữu	7.700		7.700						
11	Trường mầm non Đại Phước	6.033		6.033						
12	Trường tiểu học Phước Khánh	10.747		10.747						
13	Trường tiểu học Phú Đông	11.266		11.266						
14	Trường tiểu học Phú Hữu	9.279		9.279						
15	Trường tiểu học Đại Phước	11.569		11.569						
16	Trường THCS Phước Khánh	8.524		8.524						
17	Trường THCS Phú Đông	10.302		10.302						
18	Trường THCS Đại Phước	7.730		7.730						
19	Trường THCS Dương Văn Thi	6.908		6.908						
20	Bố trí vốn các DA sau quyết toán	-								
	Tổng cộng:	157.981	-	154.881	3.100	-	-	-		
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THÈ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI QP - AN
											CHI GIAO THÔNG, KTTC	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	VP HĐND và UBND	9.922											6.070		3.852
2	Phòng Kinh tế	16.137							6.800	3.578	1.578	1.000	5.759		
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	12.700				550	250	200					3.100	8.600	
4	Trung tâm hành chính công	1.643											1.643		
5	Ủy ban MTTQ VN xã	3.592											3.592		
6	Văn phòng Đảng Ủy xã	5.392											5.392		
7	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-													
8	Trường mầm non Phước Khánh	8.460	8.460												
9	Trường mầm non Phú Đông	6.977	6.977												
10	Trường mầm non Phú Hữu	7.700	7.700												
11	Trường mầm non Đại Phước	6.033	6.033												
12	Trường tiểu học Phước Khánh	10.747	10.747												
13	Trường tiểu học Phú Đông	11.266	11.266												
14	Trường tiểu học Phú Hữu	9.279	9.279												
15	Trường tiểu học Đại Phước	11.569	11.569												
16	Trường THCS Phước Khánh	8.524	8.524												
17	Trường THCS Phú Đông	10.302	10.302												
18	Trường THCS Đại Phước	7.730	7.730												
19	Trường THCS Dương Văn Thi	6.908	6.908												
Tổng cộng		154.881	105.495	-	-	550	250	200	6.800	3.578	1.578	1.000	25.556	8.600	3.852

* Ghi chú: Số giao dự toán công khai nêu trên đã tính trừ 10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL khỏi GD.